

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC QUỐC TẾ PHƯƠNG ĐÔNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC QUỐC TẾ PHƯƠNG ĐÔNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ORIENT INTERNATIONAL COOPERATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ORIENT INTERNATIONAL JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109906000

**3. Ngày thành lập:** 14/02/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số G27, ngõ 28, đường Xuân La, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0976 113 638

Fax:

Email: [hngiaoducphuongdong@gmail.com](mailto:hngiaoducphuongdong@gmail.com) Website: [com](http://com)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8511        |
| 2.  | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8512        |
| 3.  | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8521        |
| 4.  | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8522        |
| 5.  | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8523        |
| 6.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8531        |
| 7.  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8532        |
| 8.  | Đào tạo đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8541        |
| 9.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8551        |
| 10. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8552        |
| 11. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính. | 8559        |
| 12. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>+ Tư vấn du học ( Điều 106 – Nghị định 46/2017/NĐ – CP)<br>+ Tư vấn giáo dục,<br>+ Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,<br>+ Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục,<br>+ Dịch vụ kiểm tra giáo dục,<br>+ Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.                                                                                                                                                                   | 8560(Chính) |
| 13. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ xoa bóp: sử dụng phương pháp vật lý trị liệu để xoa bóp (massage), tắm quất phục vụ sức khoẻ con người.                                                                                                                                                                                                                                     | 9610        |
| 14. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4772        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

Thời gian đăng từ ngày 14/02/2022 đến ngày 16/03/2022

**7. Số cổ phần được quyền chào bán: 50.000**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                 | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐÀO NGỌC THỊNH | Số 11, ngõ 82 , Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông         | 5.000      | 50.000.000            | 10,000    | 0350590000<br>66                                                                            |         |
|     |                |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                        | Tổng số                   | 5.000      | 50.000.000            | 10,000    |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ VÂN | Số G27, ngõ 28, đường Xuân La, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 40.000     | 400.000.000           | 80,000    | 0011690366<br>35                                                                            |         |
|     |                |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                        | Tổng số                   | 40.000     | 400.000.000           | 80,000    |                                                                                             |         |

|   |                    |                                                                                                       |                                    |       |            |        |                  |
|---|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------|------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN THỊ<br>BÍCH | Số G27, ngõ 28,<br>đường Xuân La,<br>Phường Xuân La,<br>Quận Tây Hồ,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 5.000 | 50.000.000 | 10,000 | 0011820304<br>03 |
|   |                    |                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0     | 0          | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0     | 0          | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0     | 0          | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                       | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0     | 0          | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                       | Tổng số                            | 5.000 | 50.000.000 | 10,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐÀO NGỌC THỊNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/11/1959

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035059000066

Ngày cấp: 29/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự  
xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 11, ngõ 82, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà  
Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 11, ngõ 82, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà  
Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội